TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH T T H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Hiếu - Tự do - Hằng phúc**

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17/4/2024
"V/v Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH T T H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú Loan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Ngọc Quyên.
2. Ông Nguyễn Hữu Trực.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Trinh, Thư ký Toà án nhân dân thành phố H, tỉnh T T H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T T H tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Lê Diệu Hảo, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 04 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, số 60 N H, phường V N, thành phố H, tỉnh T T H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2024/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 56/2024/QĐ - ST ngày 26 tháng 03 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1974
Địa chỉ: 46 Đ D A, phường T L, thành phố H, tỉnh T T H.
Nơi ở hiện tại: Số 17 Kiệt 73 P K K, phường G H, thành phố H, tỉnh T T H. Có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973
Địa chỉ: 46 Đ D A, phường T L, thành phố H, tỉnh T T H. Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Trần Thị M và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P B (nay phường T L), thành phố H, tỉnh T T H vào ngày 04/7/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại 46 Đ D A, phường T L, thành phố H, tỉnh T T H. Quá trình chung sống, chị M cho rằng vợ chồng chỉ có thời gian ngắn hạnh phúc thì mâu thuẫn hai bên bắt đầu xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chăm lo gia đình, nghiện rượu khiến vợ chồng cãi vã sống không hạnh phúc. Từ đầu năm 2024 cho đến nay, chị M đã bỏ về nhà bố mẹ chị để ở và sống ly thân với anh T. Trong thời gian sống ly thân, anh T không có thiện chí muốn

hàn gắn quan hệ vợ chồng mà cứ tìm đến địa chỉ chị M đang ở để gây ồn ào, mất trật tự thậm chí còn gây mất trật tự tại trường học của con. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ vợ chồng nên chị Trần Thị M xin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Về con chung: Chị Trần Thị M trình bày giữa chị và anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc A, sinh ngày 09/01/2015. Nay ly hôn, chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Trần Ngọc A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị M trình bày chị và anh T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Trần Thị M trình bày chị và anh T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T vắng mặt không rõ lý do. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác (gồm Giấy Triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) cho bị đơn – anh Nguyễn Ngọc T nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu nên Tòa án không lấy được lời khai của anh T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh T T H có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn không chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị M, cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trần Ngọc A, sinh ngày 09/01/2015 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Nguyễn Trần Ngọc A đủ 18 tuổi; Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra do chị M không yêu cầu; Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh T không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Trần Thị M xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T. Anh T hiện cư trú tại phường T L, thành phố H, tỉnh T T H . Căn cứ vào Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh T T H .

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn - anh Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố

tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Ngọc T kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P B (nay là phường T L), thành phố H, tỉnh T T H vào ngày 04/7/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị M và anh T nảy sinh nhiều mâu thuẫn, sống không hạnh phúc. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Mxin được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn – anh Nguyễn Ngọc T đến Tòa án làm việc, mặc dù anh T biết Tòa án đang thụ lý và giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị Mnhưng anh vẫn không đến Tòa án làm việc theo yêu cầu. Điều này chứng tỏ anh T không mong muốn đoàn tụ vợ chồng, bỏ mặc cuộc hôn nhân giữa anh T và chị M.Theo kết quả xác minh của Toà án tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh Nguyễn Ngọc T đã thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị M và anh T là do anh T nghiện rượu, bỏ bê công việc và không chăm lo gia đình nên cuộc sống vợ chồng giữa chị M và anh T không hạnh phúc. Do đó việc chị Trần Thị M xin được ly hôn anh Nguyễn Ngọc T là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Ngọc T có 01 con chung là Nguyễn Trần Ngọc A, sinh ngày 09/01/2015. Hiện nay cháu Nguyễn Trần Ngọc A đang ở với chị Mai, nay ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Trần Ngọc A. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Ngọc A còn nhỏ, hiện đang ở với chị M nên cần giao cháu Ngọc A cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc A trưởng thành (đủ 18 tuổi) là căn cứ, phù hợp với các quy định pháp luật. Do chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung:

Chị Trần Thị M xác định chị và anh Nguyễn Ngọc T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung:

Chị Trần Thị M xác định giữa chị và anh Nguyễn Ngọc T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị M phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 143, Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M. Cho chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Ngọc A, sinh ngày 09/01/2015 cho chị Trần Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Ngọc A trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vấn đề cấp dưỡng không đặt ra.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ lui tới thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp theo yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân hoặc tổ chức theo quy định pháp luật thì Tòa án có quyền quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Ngọc T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Ngọc T không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị M đã nộp số tiền 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh T T H (theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003005 ngày 02 tháng 01 năm 2024) nên được khấu trừ, khỏi phải nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND thành phố H;
- TAND tỉnh TT Huế;
- Chi cục THADS tp Huế;
- Ủy ban nhân dân phường T L, tp Huế;
- Đương sự;
- Tổ HC-Tp;
- Lưu hs;

Lê Thị Tú Loan